TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Hân;
2. Bà Hoàng Thị Hải Huyền

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mai Hương –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Trong ngày 30/3/2020, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2020/TLST – HNGĐ ngày13/02/ 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/ QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích U, sinh năm 1975 (có mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Hồng K, sinh năm 1977 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà A,ngõ 225, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án,nguyên đơn là chị Trần Thị Bích U trình bày:

Chị và anh Đỗ Hồng K kết hôn năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu,có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B vào ngày 05/01/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 9A, ngõ 225, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên nhiều lần đánh đập chị. Ngoài ra, anh K còn chơi bời cờ bạc, bị thua nhiều dẫn đến kinh tế gia đình suy sút. Chị đã khuyên bảo động viên nhiều lần nhưng anh K không thay đổi, vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi cọ, xích mích, không còn tôn trọng, quan tâm, lẫn nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ ngày 14/11/2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, không thể đoàn tụ, hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Đỗ A, sinh ngày 13/3/2002 và Đỗ Quốc D, sinh ngày 26/11/2003. Do cháu A đã trưởng thành, phát triển bình thường nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi cháu. Cháu Đỗ Quốc D hiện nay đang sống cùng chị nên khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu D. Chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu D, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng kể từ sau khi ly hôn đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm hộ lý ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, thu nhập khoảng 6.000.000đ/ tháng; anh K là lái xe thu nhập bao nhiêu chị không biết được.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2020, bị đơn là anh Đỗ Hồng K trình bày:

Anh và chị U kết hôn ngày 05/01/2000 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại số 9A, ngõ 225, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng vợ chồng phát sinh từ năm 2005, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiến nói chung. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ tháng 11/2019 nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị U xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị U có hai con chung là Đỗ A, sinh 13/3/2002 và Đỗ Quốc D sinh 26/11/2003 hiện cả hai con đang cùng ở với chị U. Khi ly hôn anh để chị U nuôi cả hai con chung của vợ chồng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1000.000đồng/ 1 con chung/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ sau khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh K xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, không muốn gặp nhau nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại tất cả các phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2020 cháu Đỗ Quốc D là con chung của chị U, anh K trình bày: Hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ tại địa chỉ số 9A, ngõ 225, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, bố cháu đã từ lâu không về thăm mẹ con cháu.Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn và không sống với nhau cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì cháu đang ở ổn định cùng mẹ nên cháu muốn tiếp tục ở với mẹ để việc sinh hoạt và học tập của cháu được ổn định, mặt khác trong cuộc sống hàng ngày mẹ cháu là người chăm lo cuộc sống, việc học hành cho cháu. Lời khai của cháu là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do anh K đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên toà:

Chị U giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu về nuôi con chung.

Anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+Chị Trần Thị Bích U được ly hôn anh Đỗ Hồng K.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Bích U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Quốc D sinh 26/11/2003.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Hồng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đỗ Quốc D sinh 26/11/2003, mức cấp dưỡng là 1000.000đồng/ tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Chị Trần Thị Bích U, anh Đỗ Hồng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Hồng K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích U và anh Đỗ Hồng K kết hôn năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T,thành phố B, tỉnh Bắc Giang được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình tham gia tố tụng cả chị U, anh K đều trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2005. Phía chị U cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên nhiều lần đánh đập chị, ngoài ra anh K ham mê cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình bị suy sút. Phía anh K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả chị U và anh K đều trình bày do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 11/2019 đến nay. Xét thấy, chị U, anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị U đề nghị ly hôn, anh K đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị U, anh K, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Cháu Đỗ Quốc D là con chung của chị U, anh K, hiện cháu D đang ở cung chị U. Khi ly hôn chị U đề nghị được nuôi cháu D, anh K đồng ý là phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị U, giao con chung Đỗ Quốc D cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Cháu Đỗ A, sinh 13/3/2002 là con chung của chị U , anh K đã trưởng thành, phát triển bình thường, khi ly hôn chị U không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là Đỗ Quốc D, mức cấp dưỡng là 1000.000đồng/ tháng, anh K đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Bích U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Anh Đỗ Hồng K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS.

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Trần Thị Bích U được ly hôn anh Đỗ Hồng K.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Bích U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Quốc D sinh 26/11/2003. Sau khi ly hôn, anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Hồng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Đỗ Quốc D sinh 26/11/2003, mức cấp dưỡng là 1000.000đồng/ tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về án phí:

- Chị Trần Thị Bích U phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000948 ngày 11/02/2020. Xác nhận chị U đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Đỗ Hồng K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;.
- VKSND Tp B;.
- CCTHADS Tp B;
- UBND xã T;.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận **:**
- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP